

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



CAO THÙY LINH

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN
HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CÓ MỤC ĐÍCH KINH DOANH
BẰNG BIỆN PHÁP BẢO LÃNH**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Văn Biên

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	4
6. Những đóng góp mới của luận văn	4
7. Kết cấu của luận văn.....	5
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CÓ MỤC ĐÍCH KINH DOANH BẰNG BIỆN PHÁP BẢO LÃNH	5
1.1. Lý luận về hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh.....	5
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh.....	5
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh.....	6
1.2. Khái niệm, đặc điểm về pháp luật bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh	6
1.2.1. Khái niệm pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh	6
1.2.2. Đặc điểm của pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh	6
1.2.3. So sánh biện pháp bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh với các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác	7
1.3. Khung pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh.....	10
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	11
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CÓ MỤC ĐÍCH KINH DOANH BẰNG BIỆN PHÁP BẢO LÃNH Ở VIỆT NAM	12
2.1. Thực trạng pháp luật về bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh.....	12
2.1.1. Nội dung pháp luật về bảo lãnh thực hiện các quy định của pháp luật về bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh	12

2.1.1.1. Phạm vi bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh	12
2.1.1.2. Về điều kiện của người bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh	12
2.1.1.3. Về hình thức thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.....	13
2.1.1.4. Về hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh	13
2.1.1.5. Nghĩa vụ bảo lãnh và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	13
2.1.1.6. Trách nhiệm của bên bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh	14
2.1.1.7. Chấm dứt bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh	14
2.1.2. Đánh giá các quy định của pháp luật về bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh.....	15
2.1.2.1. Ưu điểm của pháp luật bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh.....	15
2.1.2.2. Vướng mắc, bất cập của pháp luật bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh.....	15
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh.....	16
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	16
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CÓ MỤC ĐÍCH KINH DOANH BẰNG BIỆN PHÁP BẢO LÃNH Ở VIỆT NAM.....	17
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam.....	17
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh từ việc thực hiện linh hoạt chính sách tiền tệ và bảo đảm hoạt động tín dụng ngân hàng an toàn, hiệu quả.....	17
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh từ việc nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự	17
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam.....	18
3.2.1. Xây dựng Nghị định mới về giao dịch bảo đảm, trong đó có các hướng dẫn cụ thể về biện pháp bảo lãnh.....	18

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng ở Việt Nam hiện nay	18
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	19
KẾT LUẬN.....	21

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Tranh chấp hợp đồng tín dụng là một trong các dạng tranh chấp phổ biến hiện nay được giải quyết tại Tòa án nhân dân các cấp. Trong những năm gần đây, số lượng vụ án kinh doanh, thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng được đưa ra giải quyết tại tòa án có chiều hướng ngày càng phức tạp, tòa án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết các vụ án thuộc loại này do hợp đồng tín dụng ngân hàng là loại hợp đồng có nhiều vấn đề phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, như rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản khá lớn, tính ổn định, hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh chưa cao. Hình thức pháp lý của quan hệ tín dụng ngân hàng là hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng có những đặc trưng riêng, mà một trong số đó là thường có biện pháp bảo đảm đi kèm nhằm đảm bảo quyền lợi của bên cho vay, đề phòng các trường hợp rủi ro có thể xảy ra. Về bản chất, các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng là những biện pháp để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ đối với hợp đồng tín dụng, nó có thể là điều kiện bắt buộc trong một số trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên nhằm bảo đảm cho việc thu hồi vốn vay của ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Nhằm tạo cơ chế pháp lý phù hợp đảm bảo an toàn cho các giao dịch dân sự, kinh tế và thương mại, thời gian qua, Nhà nước đã quan tâm xây dựng và liên tục bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự nói chung và giao dịch bảo đảm nói riêng. Trong số các biện pháp bảo đảm tín dụng, bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh là biện pháp đối nhân, phụ thuộc vào uy tín của bên bảo lãnh. Bảo lãnh cũng có thể được sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng và các tổ chức tín dụng với tư cách là một hoạt động cấp tín dụng. Quá trình xây dựng và phát triển hệ thống pháp luật về vấn đề này đã có những thay đổi nhất định về tư duy lập pháp cũng như cách hiểu về bản chất của biện pháp bảo lãnh. Điều này chi phối thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng ngân hàng và đã phát sinh những bất cập nhất định, cần luận giải một cách sâu sắc. Các quy định về biện pháp bảo lãnh hiện hành vẫn đang đưa đến rất nhiều hệ lụy trong việc thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh và tài sản bảo đảm... Bởi vậy, việc nghiên cứu để làm rõ bản chất của bảo lãnh, pháp luật về bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng trong điều

kiện nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay là một mục tiêu quan trọng và có tính cấp thiết. Với những lý do cơ bản trên đây, học viên lựa chọn đề tài “*Pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh*” làm Luận văn Thạc sỹ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu

Pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh đã được nhiều nhà khoa học, nghiên cứu ở những góc độ khác nhau. Các công trình nghiên cứu đều góp phần tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng nói chung và hợp đồng tín dụng nói riêng. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu được công bố trong thời gian này như: “Pháp luật Việt Nam về tín dụng cho vay tiêu dùng tại các ngân hàng thương mại, qua thực tiễn tại Đà Nẵng”, Luận văn Thạc sỹ luật học của Trần Thị Kim Ánh, Đại học Luật Huế (2018), “Bảo lãnh trong quan hệ vay tiền ở các Tổ chức tín dụng”, Luận văn Thạc sỹ của Trần Phú Dũng, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2011); “Giao dịch bảo đảm trong hợp đồng tín dụng” của TS. Nguyễn Quang Hiền, Tạp chí Tòa án nhân dân ngày 26/02/2018; Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng ngân hàng, Luận văn Thạc sỹ luật học của Lê Thu Hiền, Đại học Luật Hà Nội (2003); “Một số nội dung pháp lý liên quan tới bảo lãnh đối với hợp đồng tín dụng” của ThS. Nguyễn Thùy Trang, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ số 5 (326) ngày 01/3/2011.. Và còn công trình nghiên cứu cũng đề cập về đề tài này.

Những công trình khoa học trên đây đã giải quyết một số vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh, phản ánh rất nhiều bất cập từ quan hệ bảo lãnh bằng tài sản thế chấp, cầm cố của người bảo lãnh, bất cập liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm, mâu thuẫn giữa bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh và bên bảo lãnh, phản ánh bất cập trong mối quan hệ giữa hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp hay cầm cố tài sản của bên bảo lãnh và hợp đồng bảo lãnh nhất là trong trường hợp bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, bằng tài sản hình thành trong tương lai. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên mới chỉ nghiên cứu biện pháp bảo lãnh trong hợp đồng tín dụng trong tổng thể các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nói chung mà chưa có một công trình nào nghiên cứu về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng với tư cách là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng với đúng bản chất, đặc điểm riêng của biện pháp này một cách có hệ thống, đầy đủ và toàn diện. Chính vì vậy, rất cần có

một công trình nghiên cứu, tìm hiểu về vấn đề này một cách hệ thống toàn diện cả về lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố, luận văn này đi sâu nghiên cứu về pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam hiện nay

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn xác định những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Nghiên cứu, làm rõ các vấn đề lý luận về biện pháp bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng và pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh;
- Phân tích thực trạng pháp luật và thực trạng thực hiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh; đánh giá và chỉ ra những ưu điểm và những hạn chế, bất cập cần khắc phục;

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là những vấn đề lý luận về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh; hệ thống pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ có hạn của một luận văn thạc sĩ luật học, tác giả giới hạn phạm vi nghiên cứu đề tài vào một số nội dung cụ thể sau đây:

Về lĩnh vực hoạt động tín dụng: Hoạt động bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng để phục vụ nhu cầu kinh doanh thương mại.

Về không gian: Luận văn giới hạn phạm vi nghiên cứu trên phạm vi cả nước

Về thời gian: số liệu khảo sát thực tiễn trong 5 năm từ năm 2012 đến năm 2017.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Việc nghiên cứu và hoàn thành đề tài dựa trên cơ sở lý luận của học thuyết Mác – Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng về Nhà nước và pháp luật đặc biệt là quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế trong thời kì đổi mới, mở cửa và hội nhập kinh tế.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Bên cạnh phương pháp luận, luận văn còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Được sử dụng trong toàn bộ nội dung Luận văn, từ nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng đến đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam.

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng nhằm so sánh bản chất pháp lý của biện pháp bảo lãnh bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng với các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác

- Phương pháp lập luận logic: Được sử dụng khi nghiên cứu đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về pháp luật bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh v.v...

6. Những đóng góp mới của luận văn

Kết quả nghiên cứu của Luận văn sẽ đưa lại một số đóng góp mới sau đây:

- Góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh.

- Góp phần đánh giá thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo ở Việt Nam trong thời gian qua, chỉ ra những nhược điểm và nguyên nhân cả về nhận thức và quá trình áp dụng pháp luật;

- Đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh

- Luận văn cũng sẽ là tài liệu tham khảo có giá trị trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập về pháp luật dân sự nói chung và pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương, bao gồm:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam

Chương 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CÓ MỤC ĐÍCH KINH DOANH BẰNG BIỆN PHÁP BẢO LÃNH

1.1. Lý luận về hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

Khái niệm hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

Hợp đồng tín dụng là một dạng cụ thể của hợp đồng vay tài sản được quy định trong Bộ luật Dân sự. Theo pháp luật dân sự, *hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó, bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến thời hạn hoàn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.* [1, Điều 463]

Tuy nhiên Hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh có những yêu cầu và đặc điểm khác so với Hợp đồng vay tài sản về *chủ thể của hợp đồng tín dụng, về đối tượng của hợp đồng tín dụng và về hình thức của hợp đồng tín dụng và tính bắt buộc của các biện pháp bảo đảm đi kèm.*

Từ các yêu cầu trên có thể đưa ra khái niệm: *“Hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh là hợp đồng cho vay có sự thỏa thuận của các bên,*

theo đó, bên cho vay là ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng giao cho bên vay là các chủ thể có đủ điều kiện được vay vốn một khoản tiền nhất định để sử dụng vào mục đích kinh doanh xác định trong một thời hạn nhất định với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi”.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

Nội dung của quan hệ bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng được xem xét qua các yếu tố chủ thể của bảo lãnh, phạm vi bảo lãnh, nội dung của bảo lãnh và thời điểm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

Từ đó khái niệm bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng được hiểu là “việc người thứ ba (gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên cho vay (gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên vay (gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn trả nợ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Các bên có thể thỏa thuận và cam kết về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình. Bên bảo lãnh cũng có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay cho bên được bảo lãnh”.

1.2. Khái niệm, đặc điểm về pháp luật bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh

1.2.1. Khái niệm pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh

Pháp luật không đưa ra khái niệm cụ thể thế nào là bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh, tuy nhiên, qua nghiên cứu khái niệm, đặc điểm và yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh, các quy định về bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự, có thể đưa ra khái niệm pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh như sau:

“Pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành quy định về biện pháp bảo lãnh, phạm vi, điều kiện của người bảo lãnh, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp bảo lãnh với mục đích bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng của bên vay (bên được bảo lãnh) trước các ngân hàng và tổ chức tín dụng (bên nhận bảo lãnh) trong trường hợp bên vay không thể trả nợ đúng theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng”.

1.2.2. Đặc điểm của pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh

Thứ nhất, pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh chịu sự điều chỉnh của các quy định về biện pháp bảo lãnh của Bộ luật Dân sự

Thứ hai, pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng của người đi vay

Thứ ba, pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh đề cao nguyên tắc tự do ý chí, tự nguyện, tự thỏa thuận của các bên khi tham gia quan hệ bảo lãnh

Thứ tư, pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh cho phép các bên thỏa thuận bảo đảm nghĩa vụ bảo lãnh bằng tài sản

Thứ năm, pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh dự liệu trường hợp bên bảo lãnh là doanh nghiệp bị phá sản, là cá nhân chết

1.2.3. So sánh biện pháp bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh với các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác

Trong phạm vi nghiên cứu của Luận văn cũng chỉ so sánh ba biện pháp chủ yếu là cầm cố, thế chấp và bảo lãnh qua bảng sau:

Các biện pháp bảo đảm	Khái niệm	Chủ thể	Bản chất	Đối tượng	Hình thức
Cầm cố	Là việc một bên (bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự (Điều 309 BLDS năm 2015)	Bên cầm cố Bên nhận cầm cố	Là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự thuộc vật quyền, trong đó bắt buộc có sự chuyển giao TS (chuyển giao dưới dạng vật chất)	Tài sản thuộc quyền sở hữu của bên cầm cố giao cho bên nhận cầm cố để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của mình. (Gồm: Động sản; các giấy tờ có giá (trái phiếu, cổ phiếu,...))	Phải lập thành văn bản. Có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính.
Thế chấp	Là việc một bên (bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không chuyển giao tài sản cho bên kia (bên nhận thế chấp) (Điều 317 Bộ luật dân sự năm 2015)	-Bên thế chấp -Bên nhận thế chấp. -Có thể có thêm bên thứ ba giữ tài sản thế chấp.	Là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự thuộc vật quyền, trong đó không có sự chuyển giao TS mà chỉ giao các giấy tờ chứng minh tình trạng pháp lý của TS	Là tài sản mà bên thế chấp dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận thế chấp. (Gồm: Động sản; Bất động sản; TS được hình thành trong TL; TS đang cho thuê cũng như hoa lợi, lợi tức thu được từ việc cho thuê TS (nếu PL có quy định và	Phải lập thành văn bản. trong trường hợp pháp luật quy định thì văn bản bảo lãnh phải được công chứng, chứng thực.

			thế chấp (chuyển giao dưới dạng giấy tờ)	các bên thỏa thuận, TS thế chấp được bảo hiểm thì khoản tiền bảo hiểm cũng có thể được thế chấp)	
Bảo lãnh	Là việc người thứ ba(bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền(bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ(bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. (điều 335 BLDS năm 2015)	-Bên bảo lãnh -Bên nhận bảo lãnh -Bên được bảo lãnh	Là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự thuộc trái quyền	Là tài sản thuộc quyền sở hữu của bên bảo lãnh dùng để bảo lãnh cho nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh phải thực hiện.	Phải lập thành văn bản. trong trường hợp pháp luật quy định thì văn bản bảo lãnh phải được công chứng, chứng thực.

Tóm lại, so với các biện pháp bảo đảm khác như cầm cố, thế chấp, bảo lãnh là biện pháp đối nhân, biện pháp bảo lãnh luôn có sự tin tưởng vì người bảo lãnh không những bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho người được bảo lãnh bằng uy tín mà còn bằng tất cả tài sản thuộc sở hữu của họ nếu

nếu họ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết.

1.3. Khung pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh

- *Về phạm vi bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh:* Bên bảo lãnh (các tổ chức, cá nhân) có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho bên được bảo lãnh (bên vay), có thể chỉ bảo lãnh đối với một hoặc một số khoản nợ cụ thể hoặc bảo lãnh đối với tất cả các khoản nợ của bên vay trong trường hợp người được bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, có thể bảo lãnh liên đới.

- *Về điều kiện của người bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh:* Người bảo lãnh trong quan hệ bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh phải thỏa mãn các yêu cầu là người bảo lãnh phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có đủ các điều kiện để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Nếu người bảo lãnh không có khả năng đáp ứng yêu cầu, thì bên cho vay có quyền yêu cầu một người khác đủ điều kiện để thay thế người bảo lãnh.

- *Về nghĩa vụ bảo lãnh và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:*

Thông thường, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh, nếu khi đến thời hạn thực hiện việc trả nợ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, lãi trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong thời hạn do các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong một thời hạn hợp lý, kể từ thời điểm được thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

- *Về hình thức và hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng*

Về nguyên tắc, hình thức bảo lãnh bắt buộc phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng (hợp đồng bảo lãnh) hoặc ghi trong hợp đồng chính (hợp đồng tín dụng). Trong trường hợp pháp luật có quy định thì văn bản bảo lãnh phải được công chứng hoặc chứng thực. Nghĩa vụ bảo lãnh do các bên tự thỏa thuận có thể bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ. Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm: Nợ gốc, tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Về việc xử lý tài sản của bên bảo lãnh: Quyền yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh có thể có bảo đảm bằng tài sản (nếu các bên có thỏa thuận) hoặc không có bảo đảm bằng tài sản (nếu các bên không có thỏa thuận).

Chấm dứt bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng:

Việc bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng được chấm dứt trong những trường hợp: nghĩa vụ được bảo đảm bằng bảo lãnh chấm dứt, việc bảo lãnh được hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác, bên bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh có thể là do người bảo lãnh tự nguyện hoặc có thể thông qua hình thức cưỡng chế được thực hiện của cơ quan có thẩm quyền, việc bảo lãnh chấm dứt theo thỏa thuận của các bên.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Sau khi nghiên cứu những vấn đề lý luận của pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh, có thể rút ra một số kết luận như sau:

1. Hợp đồng tín dụng là căn cứ pháp lý để các ngân hàng và tổ chức tín dụng tiến hành các hoạt động cho vay tiền tệ. Hợp đồng tín dụng có những đặc trưng riêng, mà một trong số đó là thường có biện pháp bảo đảm đi kèm nhằm đảm bảo quyền lợi của bên cho vay, để phòng các trường hợp rủi ro có thể xảy ra.

2. Bảo lãnh là biện pháp bảo đảm nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật Dân sự và được áp dụng rộng rãi trong nhiều quan hệ như quan hệ pháp luật dân sự, kinh doanh, thương mại và đặc biệt trong quan hệ tín dụng ngân hàng. Về cơ bản, pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh về cơ bản dựa trên bản chất pháp lý của biện pháp bảo lãnh được quy định trong Bộ luật Dân sự.

3. Biện pháp bảo lãnh có những điểm khác biệt so với các biện pháp bảo đảm thực hiện khác

4. Pháp luật dân sự Việt Nam đã có những quy định khá chi tiết về biện pháp bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CÓ MỤC ĐÍCH KINH DOANH BẰNG BIỆN PHÁP BẢO LÃNH Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

2.1.1. Nội dung pháp luật về bảo lãnh thực hiện các quy định của pháp luật về bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

2.1.1.1. Phạm vi bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

Theo quy định của pháp luật dân sự, phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật quy định, nếu không thỏa thuận thì phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và tương lai. Phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ không được vượt quá nghĩa vụ chính, bao gồm nợ gốc, tiền bồi thường thiệt hại, lãi suất, kể cả tiền phạt vi phạm, nếu có [18]

2.1.1.2. Về điều kiện của người bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

Để tham gia vào quan hệ hợp đồng bảo lãnh, người bảo lãnh phải có các điều kiện sau: (i) Bên bảo lãnh nếu là cá nhân phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự đầy đủ; nếu là pháp nhân phải có năng lực pháp luật dân sự. Người đại diện pháp nhân phải là người có đủ thẩm quyền để thay mặt pháp nhân ký kết hợp đồng bảo lãnh; (ii) Bên bảo lãnh phải có khả năng về vốn, tài sản để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Đối với người bảo lãnh là cá nhân thì đòi hỏi phải có chỗ làm việc ổn định, thu thập thường xuyên hoặc phải có một tài sản nhất định (như nhà ở, đất đai...). Trong trường hợp nhiều người bảo lãnh (là nhiều cá nhân) thì tổng thu nhập của các cá nhân đó phải lớn hơn nghĩa vụ trả nợ của bên vay (bên được bảo lãnh); (iii) Bên bảo lãnh phải chịu trách nhiệm trước ngân hàng, tổ chức tín dụng về khoản vay của bên vay mà mình bảo lãnh. Trường hợp nhiều người cùng bảo lãnh cho một khoản nợ vay, thì tất cả những người bảo lãnh đương nhiên phải chịu trách nhiệm liên đới đối với chủ nợ (trừ trường hợp giữa họ có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định bảo lãnh theo các phần độc lập).

Tuy nhiên, chế định bảo lãnh hiện hành của pháp luật dân sự Việt Nam không có các quy định cụ thể về điều kiện của người bảo lãnh.

2.1.1.3. Về hình thức thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

Trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 được ban hành, pháp luật dân sự Việt Nam quy định hình thức bảo lãnh bắt buộc phải lập thành văn bản, trong trường hợp pháp luật có quy định, văn bản bảo lãnh phải được công chứng hoặc chứng thực. Cụ thể theo quy định tại Điều 362 của Bộ luật Dân sự năm 2005: “Việc bảo lãnh phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính. Trong trường hợp pháp luật có quy định thì văn bản bảo lãnh phải được công chứng hoặc chứng thực”. Tuy nhiên, đến Bộ luật Dân sự năm 2015, chế định về bảo lãnh không quy định về hình thức bảo lãnh.

2.1.1.4. Về hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh

Theo quy định của Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác. Như vậy, về nguyên tắc, hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Tuy nhiên, do đặc thù của lĩnh vực tín dụng ngân hàng, hợp đồng bảo lãnh nghĩa vụ tiền vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng có mục đích kinh doanh hiệu lực khi thỏa mãn các điều kiện bổ sung sau đây: (i) Hợp đồng được ký kết theo đúng trình tự luật định; (ii) Bên bảo lãnh cam kết bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bên vay (bên được bảo lãnh) và nghĩa vụ bảo lãnh này phải gắn với khoản vay do ngân hàng, tổ chức tín dụng đã cho bên được bảo lãnh vay.

2.1.1.5. Nghĩa vụ bảo lãnh và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

- *Về nghĩa vụ bảo lãnh:* Nếu các bên không có thỏa thuận khác, thì trong trường hợp bên vay (bên được bảo lãnh) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình trong thời hạn quy định theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì ngân hàng, các tổ chức tín dụng (bên nhận bảo lãnh) có quyền yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo cam kết được ghi nhận trong phạm vi nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh. Bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong thời hạn do các bên thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong một thời hạn hợp lý, kể từ thời điểm được thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Các bên cũng có thể thỏa thuận là bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ. Bên nhận bảo lãnh không

được yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh khi nghĩa vụ chưa đến hạn. Bên bảo lãnh không phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp bên nhận bảo lãnh có thể bù trừ nghĩa vụ với bên được bảo lãnh.

Khi nhiều người cùng bảo lãnh một nghĩa vụ thì họ phải liên đới thực hiện việc bảo lãnh, trừ trường hợp có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định bảo lãnh theo các phần độc lập; bên nhận bảo lãnh có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người bảo lãnh liên đới phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Khi một người trong số những người bảo lãnh liên đới đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh, thì có quyền yêu cầu những người bảo lãnh còn lại phải thực hiện phần nghĩa vụ của họ đối với mình.

- *Về bảo đảm nghĩa vụ bảo lãnh:* Theo khoản 3 Điều 336 Bộ luật Dân sự năm 2015, các bên có thể thoả thuận sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

2.1.1.6. Trách nhiệm của bên bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

Bộ luật Dân sự năm 2005 đã quy định một điều khoản riêng (Điều 369) về xử lý tài sản của bên bảo lãnh, trong trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh, mà bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình để thanh toán cho bên nhận bảo lãnh. Tuy nhiên Điều 341 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đã quy định toàn diện hơn về việc miễn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, cụ thể: “(i) Trường hợp bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà bên nhận bảo lãnh miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho bên bảo lãnh thì bên được bảo lãnh không phải thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh, trừ trường hợp có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định khác; (ii) Trường hợp chỉ một trong số nhiều người cùng bảo lãnh liên đới được miễn việc thực hiện phần nghĩa vụ bảo lãnh của mình thì những người khác vẫn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của họ; (iii) Trường hợp một trong số những người nhận bảo lãnh liên đới miễn cho bên bảo lãnh không phải thực hiện phần nghĩa vụ đối với mình thì bên bảo lãnh vẫn phải thực hiện phần nghĩa vụ còn lại đối với những người nhận bảo lãnh liên đới còn lại”.

2.1.1.7. Chấm dứt bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2015 đã quy định về việc bảo lãnh được chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- (i) Nghĩa vụ được bảo lãnh chấm dứt.
- (ii) Việc bảo lãnh được hủy bỏ hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.
- (iii) Bên bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.
- (iv) Theo thỏa thuận của các bên.

2.1.2. Đánh giá các quy định của pháp luật về bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh

2.1.2.1. Ưu điểm của pháp luật bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh

Về cơ bản, Bộ luật Dân sự năm 2015 vẫn giữ nguyên những quy định chính về chế định bảo lãnh như trong Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, để điều chỉnh được những quan hệ phát sinh và khắc phục những vướng mắc trên thực tế, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã bổ sung một số điểm mới. Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng như Bộ luật Dân sự năm 2015 vừa được sửa đổi bước đầu đã tiếp cận biện pháp bảo lãnh dựa trên nguyên lý của biện pháp bảo đảm đối nhân. Theo đó, bên bảo lãnh không dùng tài sản cụ thể thuộc sở hữu của mình để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của bên được bảo lãnh, mà chỉ là cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng bảo lãnh. Pháp luật hiện hành không hạn chế chủ thể tham gia quan hệ bảo lãnh, cũng không yêu cầu về tư cách chủ thể hoặc tài sản của bên bảo lãnh. Đây là yếu tố khá thuận lợi giúp các bên tự do lựa chọn hình thức này. Có thể nói, trong các hợp đồng tín dụng hiện nay, bảo lãnh là một trong những biện pháp được áp dụng khá phổ biến với những điều kiện, thủ tục thuận tiện và hành lang pháp lý đối với biện pháp này được quy định tương đối đầy đủ. Quy định về sự tham gia của bên thứ ba sẽ giúp cho nhiều tổ chức, cá nhân có khả năng được vay vốn, tháo gỡ khó khăn, còn bên bảo lãnh cũng không bị ràng buộc quá nhiều trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật khi giao kết giao dịch bảo đảm. Quy định về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự năm 2015 có những ưu điểm, đặt nền tảng cho việc hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm Việt Nam theo hướng hiện đại nhằm khuyến khích hoạt động tài trợ vốn có bảo đảm, đáp ứng nhu cầu khơi thông nguồn vốn và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.

2.1.2.2. Vướng mắc, bất cập của pháp luật bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh

Thứ nhất, hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản trong quan hệ hợp đồng tín dụng là giao dịch hai bên hay ba bên?

Thứ hai, tình trạng liên đới giữa nghĩa vụ bảo lãnh với nghĩa vụ được bảo lãnh

Thứ ba, tính độc lập tương đối của hợp đồng bảo lãnh và mối liên hệ tương hỗ với hợp đồng tín dụng

Thứ tư, lẫn lộn giữa hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba với hợp đồng bảo lãnh trong việc bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh

Từ những bất cập trong các quy định của pháp luật dẫn đến các vướng mắc trong việc thực hiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh như sau:

Thứ nhất, vướng mắc trong áp dụng quan hệ bảo lãnh

Thứ hai, về trường hợp nhiều người cùng bảo lãnh

Thứ ba, vướng mắc liên quan đến biện pháp bảo lãnh và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (hay còn gọi là việc thế chấp, cầm cố tài sản của bên thứ ba)

Thứ tư, các quy định của Bộ luật Dân sự về biện pháp bảo lãnh gây ra nhiều vướng mắc trong việc xác định thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm giữa giao dịch bảo đảm bằng tài sản (ví dụ như cầm cố, thế chấp) với bảo lãnh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Bảo lãnh là một biện pháp bảo đảm được áp dụng rộng rãi và thể hiện nhiều ưu điểm trong quan hệ tín dụng hiện nay. So với Bộ luật Dân sự năm 1995 thì Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015 bước đầu đã tiếp cận biện pháp bảo lãnh dựa trên nguyên lý của biện pháp bảo đảm đối nhân. Pháp luật hiện hành không hạn chế chủ thể tham gia quan hệ bảo lãnh, cũng không yêu cầu về tư cách chủ thể hoặc tài sản của bên bảo lãnh. Đây là yếu tố khá thuận lợi giúp các bên tự do lựa chọn hình thức này. Có thể nói, trong các hợp đồng tín dụng hiện nay, bảo lãnh là một trong những biện pháp được áp dụng khá phổ biến với những điều kiện, thủ tục thuận tiện và hành lang pháp lý đối với biện pháp này được quy định tương đối đầy đủ.

Tuy nhiên, xung quanh chế định này vẫn còn một số vướng mắc và tiềm ẩn rủi ro dẫn đến tranh chấp. Do vậy, việc nghiên cứu và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến bảo lãnh là một trong những yêu cầu cần thiết để hoàn thiện hơn nữa hành lang pháp lý về các biện pháp bảo đảm nói chung, bảo lãnh nói riêng đối với các hợp đồng tín dụng hiện nay.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CÓ MỤC ĐÍCH KINH DOANH BẰNG BIỆN PHÁP BẢO LÃNH Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh từ việc thực hiện linh hoạt chính sách tiền tệ và bảo đảm hoạt động tín dụng ngân hàng an toàn, hiệu quả

Bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng trong hoạt động tín dụng cho vay của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng có liên quan trực tiếp và được điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật khác nhau, do nhiều cơ quan ban hành trong các khoảng thời gian khác nhau, bởi vậy, khó tránh khỏi tình trạng không đồng bộ, chồng chéo hoặc có cách hiểu, nhận thức và hành động khác nhau.

Các hoạt động tín dụng cần ưu tiên tập trung cho các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nới dần hạn mức cho vay không cần tài sản bảo đảm, mở rộng đối tượng tham gia như các hợp tác xã, tổ hợp tác chỉ cần tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh là có thể được cấp tín dụng ngân hàng mà không cần ngay tại địa bàn nông thôn.

Các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng cần phải nghiêm túc tuân thủ triệt để quy định về việc ký phụ lục hợp đồng bảo đảm tiền vay khi tài sản bảo đảm được hình thành.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh từ việc nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự

Một trong những yêu cầu đặt ra là cần phải thể hiện rõ những vấn đề như: Về phạm vi các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, bổ sung những biện pháp nào? Loại bỏ những biện pháp nào? Sự khác biệt giữa vật quyền bảo đảm (cầm cố, thế chấp tài sản) và trái quyền bảo đảm (bảo lãnh)? Nguyên lý xuyên suốt để bảo vệ quyền lợi của bên nhận bảo đảm bằng tài sản là được quyền theo đuổi tài sản bảo đảm cho dù tài sản đó đã được bên bảo đảm bán, tặng cho chủ thể khác.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh ở Việt Nam

3.2.1. Xây dựng Nghị định mới về giao dịch bảo đảm, trong đó có các hướng dẫn cụ thể về biện pháp bảo lãnh

Việc Nghị định mới để thay thế Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm là rất cần thiết. Trong Nghị định mới về giao dịch bảo đảm, biện pháp bảo lãnh cần được hướng dẫn chi tiết hơn và làm rõ các vấn đề mà Bộ luật Dân sự năm 2015 còn quy định mang tính khái quát. Cụ thể:

Thứ nhất, cần có quy định giải thích để làm rõ hơn bản chất pháp lý của biện pháp bảo lãnh.

Thứ hai, cần hướng dẫn để phân biệt trường hợp sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với trường hợp cầm cố, thế chấp tài sản của người thứ ba

Thứ ba, cần có quy định hướng dẫn cụ thể hơn về xử lý tài sản của bên bảo lãnh

Thứ tư, bổ sung một số quy định để giải thích và hoàn thiện hơn chế định pháp luật về bảo lãnh, bao gồm:

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng ở Việt Nam hiện nay

Nhằm áp dụng biện pháp bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng đạt hiệu quả, đảm bảo tính an toàn trong các quan hệ cho vay, các ngân hàng, tổ chức tín dụng cần chú trọng thực hiện các giải pháp sau:

Một là, ban hành Quy chế về bảo đảm tiền vay, trong đó có các quy định về biện pháp bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng, tùy theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các ngân hàng, tổ chức tín dụng cụ thể

Việc hướng dẫn áp dụng biện pháp bảo lãnh trong Quy chế bảo đảm tiền vay cần quan tâm các vấn đề như:

(i) Việc lựa chọn bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh cần phải căn cứ vào mục đích của khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng và đối tượng khách hàng cũng như điều kiện của bên bảo lãnh để quyết định.

(ii) Cần có các quy định giải thích cụ thể hơn về điều kiện của

người bảo lãnh. Bên cạnh việc xác định các điều kiện về uy tín, cần xác định rõ các điều kiện về tài sản của người bảo lãnh.

(iii) Quy định giải thích rõ hơn quyền và nghĩa vụ của bên nhận bảo lãnh nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bên bảo lãnh; quy định về việc bên nhận bảo lãnh phải có nghĩa vụ thông tin đối với bên bảo lãnh, nghĩa vụ này có thể là tư vấn hoặc thậm chí là cảnh báo; bên bảo lãnh có thể viện dẫn tất cả những vi phạm về hình thức mà bên được bảo lãnh có thể viện dẫn để không phải thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền...;

(iv) Quy định rõ về các trường hợp làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt đối với biện pháp bảo lãnh; giới hạn của biện pháp bảo lãnh so với giá trị của nghĩa vụ được bảo lãnh;

(v) Trường hợp bên bảo lãnh không có tài sản để bù trừ nghĩa vụ được bảo lãnh thì giải quyết hậu quả pháp lý như thế nào...;

(vi) Xác định rõ quyền của bên bảo lãnh được bồi hoàn và quyền được thế quyền bên nhận bảo lãnh sau khi đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Hai là, khuyến khích các bên thoả thuận sử dụng biện pháp bảo đảm nghĩa vụ bảo lãnh bằng tài sản cụ thể (dùng biện pháp đối vật để bảo đảm cho biện pháp đối nhân)

Ba là, hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan, đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả trên thực tế để bảo đảm an toàn cho các quan hệ tín dụng

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Có thể nói, các quy định pháp luật về biện pháp bảo lãnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng như một thiết chế hỗ trợ, cung cấp giải pháp pháp lý tối ưu cho các quan hệ tín dụng ngân hàng, nhằm tối đa hóa giá trị của tài sản (tiền tệ), thúc đẩy các các quan hệ tín dụng phát triển và nhờ đó, đưa lại sự phát triển sôi động trong đời sống dân sự và kinh tế. Dựa trên nguyên tắc bảo vệ tính tuyệt đối an toàn của các quan hệ tín dụng ngân hàng, tính hiệu quả của hệ thống pháp luật về giao dịch bảo đảm công khai và minh bạch sẽ giúp cho người dân khai thác không chỉ giá trị vật chất tài sản, mà tối đa hóa giá trị pháp lý, tiền tệ của tài sản. Bên cạnh đó, dựa trên nguyên tắc tự do hợp đồng, hệ thống pháp luật hợp đồng nếu được thiết kế đúng với kỳ vọng của các chủ thể kết ước, nó sẽ giúp cho các bên trong quan hệ tín dụng ngân hàng giảm thiểu chi phí giao dịch trong việc tiếp cận, đàm phán, thực thi hợp đồng; nguyên tắc về trách nhiệm do lỗi và hệ thống

pháp luật bồi thường thiệt hại sẽ giúp cho các chủ thể yên tâm và an toàn hơn khi quyền lợi bị hành vi xâm phạm.

Việc hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh cần thiết phải xuất phát từ các định hướng cụ thể như: Thực hiện chính sách tiền tệ và bảo đảm hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả; nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự. Từ các quan điểm mang tính nền tảng này, Luận văn đưa ra các giải pháp bổ sung và hoàn thiện pháp luật mà trước hết là việc hoàn thiện chế định bảo lãnh trong Bộ luật Dân sự với tư cách là các quy định mang tính nền tảng, sau đó là việc hoàn thiện các quy định về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về đảm bảo thực hiện hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh bằng biện pháp bảo lãnh*”, tác giả rút ra một số kết luận sau đây:

1. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế theo cơ chế thị trường, hoạt động tín dụng ngày càng được phát triển một cách đa dạng với sự tham gia của nhiều chủ thể kinh tế, theo đó, quan hệ tín dụng cũng được mở rộng cả về đối tượng và quy mô làm cho hoạt động tín dụng ngân hàng càng đa dạng và phức tạp hơn. Hoạt động tín dụng là hoạt động chủ yếu, mang lại lợi nhuận nhiều nhất cho ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Vì vậy, việc xây dựng hành lang pháp lý an toàn cho các hợp đồng tín dụng được coi là yêu cầu cần thiết và cấp bách, nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ hoạt động kinh doanh tiền tệ của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

2. Chế độ pháp lý về các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa to lớn cả về chính trị, kinh tế, xã hội. Việc thực thi hiệu quả các quy định pháp luật trong lĩnh vực này góp phần đạt được hai mục tiêu, đó là phát triển và mở rộng thị trường tín dụng, nhưng vẫn bảo đảm an toàn đối với các khoản cho vay của ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Về bản chất, các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng ngân hàng là những biện pháp để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ đối với hợp đồng tín dụng, nó có thể là điều kiện bắt buộc trong một số trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc theo thoả thuận của các bên. Tuy nhiên, dù thế nào chăng nữa, thì các biện pháp này không ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng tín dụng. Hiện nay, hầu hết các ngân hàng thương mại đã xây dựng quy định về các biện pháp bảo đảm hợp đồng tín dụng để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống, nhưng trên thực tế, các ngân hàng vẫn đang gặp không ít khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc xử lý, định giá tài sản bảo đảm, dẫn đến việc đưa khoản tín dụng của mình lâm vào tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi, khi những giao dịch bảo đảm không phát huy được giá trị của nó như mục đích của việc điều chỉnh pháp luật mong muốn.

3. Trong số các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng, bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh là một

trong các biện pháp phổ biến, mang tính xã hội và nhân văn. Bên cạnh tư cách là một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, bảo lãnh cũng có thể được sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng và các tổ chức tín dụng với tư cách là một hoạt động cấp tín dụng. Quá trình xây dựng và phát triển hệ thống pháp luật về vấn đề này đã có những thay đổi nhất định về tư duy lập pháp cũng như cách hiểu về bản chất của biện pháp bảo lãnh. Điều này chi phối thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng ngân hàng và đã phát sinh những bất cập nhất định. Xung quanh chế định này vẫn còn một số vướng mắc và tiềm ẩn rủi ro dẫn đến tranh chấp. Pháp luật chưa có quy định về việc bên nhận bảo lãnh phải yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản của mình trước và việc cưỡng chế thực hiện nghĩa vụ trước hết được tiến hành đối với tài sản của người được bảo lãnh, sau đó nếu người được bảo lãnh không có tài sản thì mới có quyền yêu cầu người bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Các quy định của pháp luật hiện hành quy định về nội hàm biện pháp bảo lãnh chưa thực sự rõ ràng, dẫn đến nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa các cơ quan áp dụng và thực thi pháp luật như: Vướng mắc trong trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp bảo lãnh, nhiều người cùng bảo lãnh và vướng mắc liên quan đến biện pháp bảo lãnh và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (hay còn gọi là việc thế chấp, cầm cố tài sản của bên thứ ba)... Do vậy, việc nghiên cứu, dự liệu và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến bảo lãnh là một trong những yêu cầu cần thiết để hoàn thiện hơn nữa hành lang pháp lý về các biện pháp bảo đảm nói chung, bảo lãnh nói riêng đối với các hợp đồng tín dụng hiện nay.

4. Từ các nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho thấy, việc hoàn thiện pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh cần thiết phải xuất phát từ các định hướng cụ thể như: Thực hiện chính sách tiền tệ và bảo đảm hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả; nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự và đặc biệt là cần dựa trên những nguyên lý của trái quyền, trái quyền bảo đảm, mang tính đối nhân... Cũng từ các quan điểm mang tính nền tảng này, Luận án đưa ra các giải pháp bổ sung và hoàn thiện pháp luật mà trước hết là việc hoàn thiện chế định bảo lãnh trong Bộ luật Dân sự với tư cách là các quy định mang tính nền tảng, sau đó là việc hoàn thiện các quy định về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh.